



I. CAO SU VITON FKM

1.1. Mô tả

- FKM được biết đến như một trong hai Fluoroelastomers hoặc FKM, được đánh giá cao cho các ứng dụng công nghiệp yêu cầu cao nhất vì nó có sức đề kháng cao nhất để hydrocarbon, axit, kiềm và thậm chí oxy hóa, và các đặc tính cơ học của nó vẫn còn nguyên vẹn ở nhiệt độ lên đến 250°C.

- Loại khác nhau của tối ưu hóa FKM tồn tại theo yêu cầu sử dụng cuối cùng, và có một nhu cầu cho nó trong ngành công nghiệp nặng như xăng dầu nhà máy lọc dầu, các công trình thép và nhà máy hóa chất, và cũng có trong ngành công nghiệp có yêu cầu đặc biệt như các ngành công nghiệp thực phẩm.



1.2. Thuộc tính

- FKM làm việc trong môi trường nhiệt liên tục lên đến 250° C và nhiệt độ tối đa có thể lên đến 300° C.
- Kháng nhiệt độ thấp thường -20° C - 40 ° C bằng cách sử dụng lớp đặc biệt.
- Kháng ngọn lửa tốt và thường tự chữa khi di chuyển nguồn lửa.
- Tất cả các FKM có sức đề kháng tuyệt vời với oxy, ozone và thời tiết tự nhiên.
- FKM hợp chất kháng xuất sắc để nén, đặc biệt là ở nhiệt độ cao.
- Chống hóa chất; trong tất cả cao su tổng hợp của FKM là chịu nhất của rất nhiều dung môi, hóa chất, cho phục vụ lâu dài mà các vật liệu khác thì không.
- Tuyệt vời kháng chống hydrocarbon, Aliphatics, thơm và hóa chất khử trùng bằng clo.
- Khả năng chống axit và kiềm (bao gồm oxy hóa) rất tốt. Hiệu suất kém so với ete, xeton

1.3. Ứng dụng

- Công nghiệp thực phẩm
- Bảo dưỡng công nghiệp (dầu)
- Bảo dưỡng công nghiệp (nhiệt độ cao)
- Môi trường hóa chất

2. CAO SU BUTYL IIR

2.1. Mô tả

- Cao su Butyl với sự linh hoạt và khả năng chống thời tiết nên nó thường xuyên được sử dụng cho nhiều ứng dụng công nghiệp.
- Cao su Butyl cũng rất cần thiết cho con dấu và bảo vệ các ngành công nghiệp hóa học nơi nồng độ cao các axit khoáng sản và kiềm xảy ra như nhà máy phân lân, phân bón, xút ăn da, vv



2.2. Thuộc tính

- Butyl có độ bền kéo thực sự tốt.
- Butyl có khả năng thấm rất thấp để không khí và các khí khác.
- Tuyệt vời kháng ozone, quá trình oxy hóa và ánh sáng mặt trời.
- Nhiệt độ tuyệt vời của -45° C đến 130° C cho hợp chất bình thường và thậm chí còn tốt hơn với công thức đặc biệt như nhựa đặc biệt
- Butyl có khả năng phục hồi rất thấp, lý tưởng cho giảm xóc độ rung và hấp thụ sốc ứng dụng.
- Butyl có sức đề kháng vừa phải mài mòn và nén tập.
- Chống hóa chất; kháng với hầu hết các sản phẩm vô cơ. Có khả năng chống axit vô cơ, chất kiềm và axit nước. Không nên sử dụng tiếp xúc với dầu, hoặc các dung môi hydrocarbon.



2.3. Ứng dụng

- Cao su butyl được dùng trong sản xuất áo phao (loại bơm phồng), thuyền phao, bong bóng, màng và ruột cho lốp xe.
- Cao su butyl là một sự lựa chọn tốt cho những ứng dụng yêu cầu giảm rung động cao, như bộ phận giảm xóc trong ô tô.

III. CAO SU EPDM

3.1. Mô tả

- EPDM là một trong những loại cao su linh hoạt nhất, thích hợp nhất cho các ứng dụng ngoài trời. Nó có khả năng chống lão hóa, ngay cả khi tiếp xúc với các điều kiện bên ngoài tích cực nhất: hơi nước, tia cực tím, ozon, hóa tiêu hoặc điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- EPDM duy trì tính chất của nó ngay cả khi bị một loạt các sự khác biệt nhiệt độ. Kết quả là nó luôn được sử dụng trong ngành công nghiệp nói chung và trong xây dựng, hàng hải và các ứng dụng ngoài trời.

3.2. Thuộc tính

- Tuyệt vời vốn có cao và thấp phạm vi nhiệt độ. Thông thường -45° C đến 120° C cho hợp chất tiêu chuẩn.
- Lãi kép đặc biệt có thể làm tăng một số loại chức năng liên tục ở 140 ° C.
- EPDM là kháng vốn đã bị tấn công bởi oxy, UV, Ozon và môi trường thời tiết khắc nghiệt, và sẽ cung cấp dịch vụ lâu dài trong những điều kiện này.
- EPDM không có tính chất kết dính tốt.
- Đề kháng với hóa chất; đề kháng với nhiều loại hóa chất và dung môi. Tốt kháng với nhiều loại hóa chất ăn mòn. Hiệu suất của EPDM trong nước nóng và hơi nước áp suất cao là tốt hơn so với ở nhiệt độ khô.



3.3. Ứng dụng

- Công nghiệp chế tạo yêu cầu điều kiện môi trường: Tia Cực tím, môi trường dầu, axit....

IV. CAO SU CLOROPREN - CR

4.1. Mô tả

- CR hoặc cloropren, cũng được biết đến với tên thương mại Neoprene, có một sự kết hợp cân bằng các thuộc tính mà làm cho nó tốt nhất cao su đa chức năng.
- Cao su Cloropren được sử dụng để sản xuất các khớp và các lớp phủ cách nhiệt để bảo vệ môi trường có tiếp xúc với dầu và các sản phẩm hóa chất khác. Nó cũng có thể được sử dụng trong các ứng dụng ngoài trời, vì nó có một sức đề kháng tốt để thay đổi nhiệt độ, hành động ozone và các điều kiện thời tiết bất lợi.

4.2. Thuộc tính

- Tính chất cơ học và mài mòn tốt.
- Khả năng phục hồi hợp lý ở các lớp trên 60 ° Shore A.
- Tốt khả năng chống nhiệt, ozon và thời tiết.
- Lớp chất chống cháy có sẵn.
- Độ bám dính tốt với kim loại.
- Nhiệt độ: -25° C đến 125° C.

Chống hóa chất; đề kháng với các sản phẩm hóa chất vô cơ, ngoại trừ oxy hóa axit và halogen. Kháng trung bình đến hydrocarbon béo.



4.3 Ứng dụng

- Bảo dưỡng công nghiệp (dầu)
- Bảo dưỡng công nghiệp (lửa)
- Các ngành công nghiệp thực phẩm



V. CAO SU NITRIL - NBR

5.1. Mô tả

- NBR cao su nitril được đặc chế để ngăn chặn cuộc tấn công dầu, có nghĩa là tính chất cơ học của nó vẫn còn nguyên vẹn ngay cả khi tiếp xúc trực tiếp với dầu mỡ.
- Phạm vi bao gồm cao su nitril đặc biệt được tạo ra để chịu được tiếp xúc với các loại dầu công nghiệp, các hydrocacbon, dầu hỏa và nhiệt độ cao. Cao su nitril được sử dụng chủ yếu trong sản xuất con dấu và các yếu tố khác cho môi trường công nghiệp, lớp thực phẩm cho các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và sức khỏe, và trong các ứng dụng đặc biệt đối với dầu biến thế hoặc dầu cách điện cho lắp đặt điện và thiết bị.



5.2. Thuộc tính

- Kháng tốt chung cho các loại dầu.
- Tính chất cơ học tốt đặc biệt là sức bền, tính linh hoạt, bộ nén và chống thấm dễ khí.
- Tính lão hóa vừa phải.
- Nhiệt độ: -30° C đến 120° C, với khả năng đạt -40°C.
- Độ bám dính tốt với kim loại.
- Kháng trung bình với nhiệt độ thấp.
- Đề kháng với hóa chất; sức đề kháng tốt với các sản phẩm hóa chất vô cơ trừ các tác nhân chống oxy hóa và clo, và có sức đề kháng thỏa đáng cho các hydrocacbon nói chung. Là một cao su cực có nghĩa là nó không được khuyến khích để sử dụng với các chất lỏng cực như xeton, este và amin. Kháng để hạn chế hydrocacbon thơm.

5.3. Ứng dụng

- Bảo trì công nghiệp
- Máy biến áp điện
- Công nghiệp thực phẩm

5.4. Biến thể đặc biệt cao su nitril

* XNBR (dầu mỡ và mài mòn.)

- XNBR là lựa chọn cho các môi trường công nghiệp có chứa một tỷ lệ bằng mỡ và các hạt mài mòn và các yêu cầu hiệu suất cao.

* HNBR (dầu, mỡ ở nhiệt độ cao)

- Trong môi trường công nghiệp, nơi mỡ là một vấn đề, HNBR thì là lựa chọn thích hợp nhất cho sản xuất sơn và con dấu cho điểm rằng cần phải chịu được nhiệt độ cao. Nó cung cấp bảo lãnh tối đa của một cuộc sống làm việc lâu dài ngay cả trong điều kiện khắc nghiệt nhất.



VI. CAO SU SBR

6.1. Mô tả

- Cao su SBR có tính chất cơ học tốt với những lợi thế nhất của sức đề kháng tốt hơn với nhiệt độ cao và lão hóa. Kết quả là nó thường được sử dụng trong ngành công nghiệp khai thác mỏ và trong các môi trường công nghiệp chịu mài mòn cao, nơi vật liệu đảm bảo một cuộc sống làm việc lâu dài và hiệu quả tối ưu được yêu cầu.

6.2. Thuộc tính

- Tính chất cơ học tuyệt vời.
- Khả năng chống lão hóa và nhiệt độ hơn so với cao su thiên nhiên. Các tính chất này có thể được cải thiện hơn nữa lõi kép cẩn thận.
- Nhiệt độ: -50° C đến 110° C.
- Vật liệu SBR có xu hướng chỉ có kháng trung bình đến chảy nước mắt, ozone và thời tiết nói chung.
- Tốt kháng với nhiều sản phẩm hóa chất vô cơ.
- Kháng hạn chế cho các loại dầu khoáng sản; không được khuyến khích để sử dụng với axit oxy hóa và các chất lỏng hữu cơ nói chung

6.3. Ứng dụng

- Khai thác mỏ và khai thác đá
- Các ngành công nghiệp chế biến tổng hợp
- Ngành công nghiệp Ngói



VII. CAO SU TỰ NHIÊN - NR

7.1. Mô tả

- Cao su thiên nhiên có tính chất cơ học tỉ số giờ là đặc biệt đánh giá cao trong môi trường chịu mài mòn cao do ma sát, hoặc khi nó được liên tục tiếp xúc với các tác động hoặc tiếp xúc trực tiếp với các yếu tố mài mòn.

7.2. Thuộc tính

- Tính chất cơ học tuyệt vời.
- Có sẵn trong một loạt các độ cứng từ 35° đến 90° Sh.A.
- Thiết lập nén thấp và khả năng phục hồi cao.
- Tính năng động và phục hồi tuyệt vời.
- Nhiệt độ: -50° C đến 90° C.
- Chống hóa chất; đề kháng tốt với axit, kiềm và muối. Tiếp xúc với các loại dầu và hydrocarbon là không nên.

7.3. Ứng dụng

- Khai thác mỏ và khai thác đá
- Các ngành công nghiệp chế biến tổng hợp
- Ngành công nghiệp xăm lốp
- Chụp dao động
- Ngành công nghiệp thực phẩm





COMPACT BUT SOLID

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP KỸ THUẬT C.E.S VIỆT NAM

VPGD Hà Nội : Phòng 206 - Tòa Nhà B5 - KĐT Mỹ Đình 1 - Đường Nguyễn Cơ Thạch - Từ Liêm - Hà Nội
Tel : 04 6287 4341 * Fax : 04 6287 4342
VPGD HCM : Số 993/10 - Đường Phạm Văn Bạch - Phường 12 - Quận Gò Vấp - TP Hồ Chí Minh
Tel : 08 6676 2364 * Fax : 08 3768 2364
Email : cesvietnam@vnn.vn * Website : www.cesvietnam.vn

VIII. SILICONE

8.1. Mô tả

- Cao su silicone là trợ về mặt sinh lý, do đó làm cho nó sự lựa chọn ưa thích của các ngành công nghiệp y tế, dược phẩm và chế biến thực phẩm.
- Nó cũng duy trì sự ổn định trong môi trường khắc nghiệt, và các đặc tính của nó vẫn không thay đổi tác trên một phạm vi nhiệt độ rộng, làm cho nó hữu ích cho một số lượng lớn các ứng dụng công nghiệp, của ngành điện tử và ánh sáng ô tô, trong số những người khác



8.2. Thuộc tính

- Tuyệt hảo Độ bền với nhiệt (không khí khô), tại 200° + C liên tục và C + 220° liên tục.
- Vẫn còn linh hoạt ở nhiệt độ thấp -70°C.
- Khả năng chống tia cực tím ánh sáng, ozone và thời tiết.
- Tính cách điện tốt.
- Silicon có tính chất cơ học tương đối thấp, độ bền kéo, kéo dài và sức mạnh của nước mắt, tuy nhiên họ giữ cố định ngay cả ở nhiệt độ cao nhưng không nên được sử dụng với hơi nước áp lực cao.
- Chống hóa chất; kháng cự khá mạnh với các sản phẩm hóa học nói chung; nhưng axit, kiềm, este và xeton nên tránh.

8.3. Ứng dụng

- Công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng
- Bảo dưỡng công nghiệp (nhiệt độ cao)
- Ngành công nghiệp điện tử

IX. CAO SU CSM (HYPALON) (Ít dùng vì sản xuất rất độc)

9.1. Mô tả

- Cao su CSM (còn gọi là polyethylene chlorosulphonated) nổi tiếng với sức đề kháng tuyệt vời của nó với các điều kiện khí quyển bất lợi và chống thấm và chống axit và kiềm chống năng lực của mình.
- Cao su CSM được sử dụng chủ yếu trong việc xây dựng và các ngành công nghiệp điện cho khả năng chống thấm của nó, nhưng nó cũng thường được sử dụng cho dầu và bảo vệ thiết bị cho các hóa chất và các ngành công nghiệp ô tô.

9.2. Thuộc tính

- Tuyệt vời khả năng chống oxy hóa và có sức đề kháng nổi bật với các điều kiện khí quyển và trong ánh sáng mặt trời mạnh riêng và ozone.
- Nhiệt độ: -35° C đến 140° C.
- CSM hợp chất chống cháy và tự chữa.
- Chống hóa chất; đề kháng với hầu hết các sản phẩm hóa chất vô cơ, sức đề kháng tốt với các acid chung, các loại dầu và mỡ.

9.3. Ứng dụng

- Chống thấm

